

# QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY THÍCH ỨNG DI SẢN THẾ GIỚI Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

NCS.ThS. Phạm Đình Huỳnh  
Phó Trưởng Ban Quản lý vịnh Hạ Long

## Đặt vấn đề

Việt Nam hiện sở hữu 9 Di sản thế giới được UNESCO ghi danh. Những Di sản thế giới này không chỉ là tài sản vô giá mà còn là nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần xây dựng và nâng cao thương hiệu văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời phát huy sức mạnh nội lực và quảng bá hình ảnh đất nước ra thế giới. Việc phát huy giá trị các Di sản thế giới tại Việt Nam là chìa khóa để đất nước hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế toàn cầu, trở thành một quốc gia có ngành công nghiệp văn hóa phát triển bền vững. Tuy nhiên, bối cảnh toàn cầu hóa và quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam hiện nay mặc dù đã đem lại những thời cơ, vận hội, nhưng đồng thời cũng làm xuất hiện cả những thách thức, nguy cơ đối với việc quản lý, bảo vệ di sản. Vì vậy, vấn đề đặt ra là cần nhận diện rõ và có những giải pháp hợp lý, tận dụng được những thời cơ, khắc chế nguy cơ nhằm đưa công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Di sản thế giới ở Việt Nam thích ứng với một thế giới đang thay đổi trong hội nhập và phát triển.

## Sơ lược về chính sách Di sản thế giới tại Việt Nam: bối cảnh quốc gia và một số điểm nổi bật của ngành văn hóa

1. Việt Nam gia nhập nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình thấp từ năm 2010. Sau sự sụt giảm tốc độ tăng trưởng GDP bình quân xuống 5,88% trong giai đoạn 2011 - 2015, nền kinh tế đã phục hồi với tốc độ tăng trưởng 8% trong giai đoạn 2020 - 2025. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch từ nông nghiệp sang các ngành sản xuất và dịch vụ, với khu vực tư nhân ngày càng chiếm tỷ trọng lớn hơn và tốc độ tăng trưởng hàng năm là 21,35%. Với kết quả tăng trưởng kinh tế đáng kể trong hai thập kỷ qua, Việt Nam đã đạt được gần như toàn bộ các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG) với nhiều mục tiêu đã hoàn thành trước thời hạn, đặc biệt là những tiến bộ đáng kể về xóa đói giảm nghèo (tăng thu nhập).

2. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu của một quốc gia có thu nhập trung bình thấp, Việt Nam cũng đã phải đối mặt với nhiều thách thức nảy sinh, trong đó có sự suy giảm về nguồn vốn ODA và hỗ trợ quốc tế. Những thách thức nổi cộm bao gồm: (i) khoảng cách phát triển ngày càng tăng và sự tiếp cận không đồng đều với các dịch vụ xã hội cơ bản trong các khu vực thành thị và nông thôn; và (ii) gia tăng áp lực môi trường từ việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên không bền vững và thay đổi cách thức tiêu dùng trong bối cảnh ảnh hưởng rủi ro của biến đổi khí hậu; (iii) các nút thắt trong cơ chế quản lý hiện tại gây khó khăn cho sự phối hợp liên ngành giữa các bên liên quan, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng và thực thi pháp luật.

3. Trong lĩnh vực văn hóa, Việt Nam là một trong những quốc gia được đánh giá “giàu có” về di sản ở khu vực và châu Á với 09 di sản thế giới được UNESCO ghi danh theo Công ước 1972 về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới. Con số này không lớn nếu so với các quốc gia có nhiều di sản thế giới được UNESCO công nhận như: Trung Quốc (60), Đức (55), Pháp (54), Tây Ban Nha (50), Ấn Độ (44)..., tuy nhiên những di sản này được coi là một yếu tố quan trọng và là tác nhân cho sự phát triển bền vững trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia với các ưu tiên: “*Khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, văn học - nghệ thuật đi đôi với đề cao trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của văn nghệ sĩ, các nhà văn hóa. Làm tốt công tác bảo vệ bản quyền tác giả. Bảo tồn, phát huy các di sản và giá trị văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Bảo đảm thực hiện tốt, đầy đủ các chính sách về dân tộc, tôn giáo và bảo đảm tự do tín ngưỡng, tôn giáo*”. Tầm quan trọng của Di sản còn được nhấn mạnh thông qua sự tham gia, đóng góp tích cực của Quốc gia thành viên Việt Nam trong việc xây dựng chính sách của UNESCO về Di sản thế giới và Phát triển bền vững; và phê chuẩn 4/7 Công ước của UNESCO trong lĩnh vực văn hóa<sup>1</sup>.

4. Việt Nam đã ban hành khung pháp lý quốc gia phù hợp với các cam kết quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, bao gồm Luật Di sản Văn hóa số 45/2024/QH15, ngày 23/11/2024 và gần đây nhất là Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể.

5. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa đa dạng của đất nước bao gồm các di sản được UNESCO ghi danh, các yếu tố di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu, tạo thành nguồn lực lớn cho du lịch và phát triển kinh tế<sup>2</sup>. Tuy nhiên, tính bền vững của các nguồn lực này có những rủi ro tiềm ẩn bởi: (i) sự phát triển của du lịch đại chúng; (ii) mất cân bằng trong chiến lược và thực hành bảo tồn và phát triển; (iii) thương mại hóa các lễ hội văn hóa và sự biến tướng của các phong tục văn hóa; (iv) thiếu cơ chế tham vấn cộng đồng trong quy hoạch du lịch dẫn đến khoảng cách giữa chính sách và người dân, làm giảm tính hiệu quả và sự đồng thuận trong thực thi; và (v) Vai trò của cộng đồng chủ nhân của di sản chưa thực sự được coi trọng.

**Công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Di sản thế giới thích ứng trong bối cảnh hiện nay: Từ thực tiễn của tỉnh Quảng Ninh**

<sup>1</sup> Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa Thế giới (1972), Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể (2003), Công ước về Bảo vệ và Phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa (2005), và Công ước chống Lại các hành vi gian lận (1981).

<sup>2</sup> Năm 2024, các Di sản thế giới ở Việt Nam đã đón tiếp gần 15 triệu lượt khách tham quan; Tổng thu phí tham quan đạt trên 1.900 tỷ đồng.

Quá trình phát triển kinh tế mạnh mẽ ở Việt Nam trong thời gian gần đây đã và đang tác động đến công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Di sản thế giới của Việt Nam, trong đó có Di sản thế giới vịnh Hạ Long được UNESCO vinh danh bằng tiêu chí: ĐẸP; mà một trong những thách thức lớn nhất được Ủy ban Di sản thế giới nhận diện và khuyến cáo đối với vịnh Hạ Long là mâu thuẫn giữa công tác bảo tồn di sản và phát triển kinh tế trong bối cảnh đô thị hóa ngày càng nhanh. Bên cạnh đó, những tác động từ yếu tố bất khả kháng như dịch bệnh, thiên tai... trong giai đoạn hiện nay rất khó lường và để lại hậu quả nặng nề, cần có những giải pháp căn cơ, tích lũy lâu dài để đối phó với các tình huống phát sinh và đòi hỏi sự linh hoạt, sáng tạo trong phương pháp thực hiện để hướng tới sự phát triển bền vững ở tương lai; yêu cầu ngày càng cao của công tác bảo vệ di sản phải luôn tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về di sản văn hóa và Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản thế giới.

Để đảm bảo trong chặng đường trước mắt và tương lai lâu dài, di sản thế giới vịnh Hạ Long tiếp tục được bảo vệ nguyên trạng và là nền tảng, hạt nhân cho sự phát triển toàn diện, bền vững của tỉnh trong công cuộc thực hiện mục tiêu xây dựng Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại phát triển nhanh, mạnh mẽ và bền vững, xứng đáng là một trong những trung tâm phát triển của miền Bắc và trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030, vì vậy hành trình quản lý, bảo vệ Di sản thế giới vịnh Hạ Long thời gian qua không thể thiếu sự quan tâm, hỗ trợ tích cực của Bộ ngành trung ương; sự ủng hộ của các chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức trong nước và quốc tế; sự đồng hành của cộng đồng và nỗ lực của chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Với việc triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ di sản theo hướng quản lý tổng hợp, như: thường xuyên rà soát, bổ sung cơ chế chính sách quản lý phù hợp với bối cảnh thực tế; tăng cường công tác phối hợp liên ngành, đa ngành, liên kết vùng trong quản lý di sản, phát triển du lịch; quan tâm đầu tư trang thiết bị bảo vệ môi trường theo hướng kiểm soát từ nguồn phát sinh chất thải; triển khai các đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học về di sản, đánh giá sức tải du lịch khu di sản; ứng dụng linh hoạt, sáng tạo chiến lược ngoại giao văn hoá, nhất là lĩnh vực hợp tác với UNESCO trong công tác bảo tồn di sản; tăng cường công tác truyền thông quảng bá và thu hút cộng đồng tham gia bảo vệ di sản; đánh giá tác động di sản, giám sát định kỳ tình trạng bảo tồn di sản..., vịnh Hạ Long không những tránh được nguy cơ bị hư hại, mà quan trọng hơn đã phát huy hiệu quả giá trị, góp phần tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; các giá trị của Di sản thế giới vịnh Hạ Long, nhất là các giá trị được quốc tế vinh danh vẫn được bảo tồn toàn vẹn, đưa công cuộc bảo tồn di sản vịnh Hạ Long chuyển sang giai đoạn phát triển ổn định và bền vững.

Nhờ phát huy những thế mạnh của Di sản thế giới có biển, kết hợp với công tác quảng bá, giới thiệu một Quảng Ninh “Điểm đến an toàn, thân thiện, hấp dẫn”, du lịch Hạ Long - Quảng Ninh đã có sự tăng trưởng ấn tượng. Nếu như giai đoạn 1995 - 2000, lượng khách tham quan vịnh Hạ Long chỉ vào khoảng 2,5 triệu lượt, thu phí tham quan đạt trên 36 tỷ đồng, thì từ năm 2000

đến nay tốc độ tăng trưởng khách luôn ở 2 con số với tổng lượt khách tham quan đạt trên 58 triệu lượt (> 38 triệu lượt khách quốc tế), thu phí tham quan đạt trên 9.000 tỷ đồng. Đây là những con số rất có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, du lịch của địa phương từ hiệu quả tôn vinh giá trị Di sản thế giới Vịnh Hạ Long. Hoạt động quản lý, bảo vệ di sản thế giới Vịnh Hạ Long gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và có những bước đột phá mới thông qua việc sử dụng kết quả đánh giá sức tải di sản trong việc ban hành cơ chế chính sách quản lý các hoạt động phát triển trong khu vực Vịnh Hạ Long nhằm phát huy một cách tương xứng và sử dụng hợp lý, bền vững các giá trị, tiềm năng thế mạnh của khu di sản. Với quan điểm sử dụng di sản đúng hướng sẽ là giải pháp tốt nhất để quản lý, bảo tồn hiệu quả Di sản, làm cho Vịnh Hạ Long thực sự phát huy được tiềm năng, thế mạnh sẵn có, đứng vững trong dòng chảy vận động không ngừng của nền kinh tế - xã hội hiện đại.

Hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới Vịnh Hạ Long được triển khai hiệu quả gắn với Chiến lược Ngoại giao văn hoá đến năm 2030. Mặc dù có những thời điểm, hoạt động quản lý, bảo vệ di sản được triển khai trong bối cảnh bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh Covid-19 và sự tác động mạnh mẽ của dịch bệnh đến nền kinh tế thế giới; tuy nhiên với bề dày 30 năm kinh nghiệm hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quản lý di sản và vận dụng linh hoạt các hình thức đối ngoại phù hợp bối cảnh thực tế, quan hệ hợp tác của tỉnh Quảng Ninh với các tổ chức quốc tế, nhất là các lĩnh vực hợp tác với UNESCO ngày càng phát triển. Từ mối quan hệ trên, một số chương trình, dự án về bảo vệ di sản được các tổ chức quốc tế tài trợ thực hiện và phát huy hiệu quả, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế di sản, phát triển bền vững gắn kết chặt chẽ ngoại giao văn hóa với ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế; Hình ảnh Di sản thế giới Vịnh Hạ Long được quảng bá rộng rãi qua các kênh truyền thông quốc tế, như: trang quảng bá du lịch của các hãng lữ hành: Touropia, Lonely Planet, World Travel Guide, Govoyagin, Travel News, Geographic; các kênh truyền hình nổi tiếng CNN, BBC và các Tạp chí hàng đầu về du lịch Travel Magazine, National Geographic Mymodernmet... tạo nên sức hút đối với du khách thập phương và góp phần làm cho ngành du lịch dịch vụ của tỉnh Quảng Ninh có những bước phát triển nhanh chóng, thực sự đã trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Tại Di sản thế giới Vịnh Hạ Long, vai trò của cộng đồng chủ nhân trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản luôn được quan tâm thực hiện với nhiều đối tượng được huy động tham gia như sinh viên, học sinh, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, ngư dân, các tổ chức, đoàn thể, người dân các địa phương ven bờ vịnh, khách du lịch... thông qua các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường, trồng rừng ngập mặn, tuyên truyền bảo vệ di sản, bảo vệ môi trường; tập huấn cho thuyền trưởng, thuyền viên trên các tàu du lịch. Với cộng đồng địa phương, bên cạnh việc phát triển các hoạt động khai thác nguồn lợi biển, còn được trực tiếp tham gia và được chia sẻ lợi ích về phát triển du lịch

thông qua hoạt động dịch vụ du lịch, như chèo đò đưa khách tham quan vịnh Hạ Long; được làm việc trực tiếp tại Ban Quản lý vịnh Hạ Long và một số doanh nghiệp hoạt động kinh tế - xã hội trên vịnh. Nhiệm vụ thời gian tới là làm thế nào để chuyển giao nguyên trạng các tài sản này cho thế hệ tiếp nối và làm thế nào để đưa di sản đến gần hơn với cộng đồng theo đúng với tinh thần Công ước 2003 của UNESCO và Luật Di sản văn hóa.

Trong quá trình phát triển, tỉnh Quảng Ninh luôn lấy vịnh Hạ Long là trung tâm của các định hướng, xuyên suốt trong các chính sách, chiến lược và quy hoạch; điển hình: Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng xây dựng, phát triển Hạ Long trở thành đô thị dịch vụ, du lịch văn minh... gắn kết giữa bảo tồn và phát triển bền vững Di sản thế giới vịnh Hạ Long; Nghị quyết số 17-NQ/TU (ngày 30-10-2023) của BCH Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững đã định hướng xây dựng Hạ Long nằm trong mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO, là điểm đến của các sự kiện quốc gia và quốc tế; thành phố của Di sản, Kỳ quan... Điều này có thể thấy vịnh Hạ Long là mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong các định hướng dài hạn, có vai trò quan trọng bao trùm trên nền tảng tăng trưởng xanh của tỉnh.

### **Tác động của biến đổi xã hội đến công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Di sản thế giới ở Việt Nam**

Tại hội nghị của ICOMOS Dublin 2010<sup>3</sup>, bốn vấn đề về quan hệ giữa di sản với biến đổi xã hội hiện nay được đặt ra, đó là: (i) Di sản của những cộng đồng đang biến đổi, đang phát triển; (ii) Di cư, di dân và di sản bản địa; (iii) Di sản tôn giáo; (iv) Các tác động xã hội của biến đổi khí hậu toàn cầu. Những thảo luận xung quanh tính bền vững của di sản đã chỉ ra rằng các vấn đề toàn cầu xuất phát từ công tác quản lý, các dự án phát triển và du lịch đều nằm trong nhóm đầu tiên. Do vậy, từ thực tiễn công tác quản lý Di sản thế giới hiện nay, có thể thấy vấn đề quản trị/quản lý, các dự án phát triển và du lịch cũng là những vấn đề mang tính toàn cầu trong công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị Di sản thế giới ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, cụ thể:

1. Cơ chế quản trị di sản chưa tích hợp: việc phối hợp giữa các ngành bảo tồn, đầu tư, xây dựng, du lịch... vẫn còn hành chính, thiếu cơ chế dữ liệu và đánh giá liên ngành trong khi mô hình quản trị tích hợp (integrated governance) đòi hỏi việc sử dụng dữ liệu mở và chỉ số đo lường để xây dựng chiến lược và hoạt động quản trị phù hợp, hiệu quả.

<sup>3</sup> Hội thảo khoa học ICOMOS về thế giới đang thay đổi, quan điểm về di sản đang thay đổi: Di sản và biến đổi xã hội; tổ chức tại Dublin, Ailen ngày 30/10/2010.

2. Áp lực đô thị hoá và phát triển du lịch: quá trình đô thị hóa nhanh, hạ tầng mở rộng và lượng khách du lịch tăng mạnh tạo sức ép lên không gian di sản. Nếu thiếu kiểm soát, khu di sản thế giới sẽ có nguy cơ mất dần tính “di sản sống”.

3. Nguồn lực và công nghệ còn hạn chế. Để triển khai quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Di sản thế giới theo mô hình số hóa hay “AI quản trị di sản”, cần có đội ngũ chuyên gia liên ngành và nguồn vốn đầu tư dài hạn. Đây là thách thức thực tế, đòi hỏi cơ chế xã hội hóa, hợp tác công - tư (PPP) trong bảo tồn và sáng tạo văn hóa.

4. Sự ra đời của thời đại kỹ thuật số mang đến những cơ hội và thách thức mới cho các di sản thế giới. Việc số hóa các hiện vật và tài liệu lịch sử đã giúp chúng dễ tiếp cận hơn, hỗ trợ việc bảo tồn và nghiên cứu. Tuy nhiên, sự chuyển đổi số này cũng đặt ra những câu hỏi về tính xác thực và nguy cơ mất đi các hình thức biểu đạt văn hóa truyền thống. Việc cân bằng giữa tiến bộ công nghệ với việc bảo tồn các tập tục truyền thống là một thách thức quan trọng trong vấn đề này.

5. Thách thức từ bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng: một mặt, khu di sản thế giới bị đe dọa bởi biến đổi khí hậu, đô thị hóa, du lịch quá tải và thương mại hóa dẫn tới nguy cơ tiềm ẩn làm suy giảm tính toàn vẹn của di sản. Mặt khác, yêu cầu phát huy giá trị di sản bền vững đặt ra bài toán khó: làm sao để di sản sống động, gắn bó với cộng đồng và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong môi trường số.

6. Tài nguyên di sản trong bối cảnh đương đại phải đối mặt với: xung đột lợi ích; sự thiếu hụt kiến thức đa ngành của cả ba nhóm: người nghiên cứu, người quản lý và người thực hành; sự bất cập giữa luật, công ước và thực tiễn thực thi; sự không đồng bộ giữa nghiên cứu đánh giá giá trị với bảo tồn; sự thiếu thống nhất trong quan điểm về triết lý bảo tồn, đánh giá giá trị....

7. Tác động từ việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp do ranh giới di sản thế giới tiếp giáp với nhiều địa phương.

8. Tác động từ việc thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước theo chỉ đạo của trung ương.

9. Thách thức trong công tác quản lý di sản liên tỉnh: sự phát triển hoạt động du lịch trên quy mô lớn, ô nhiễm môi trường; quản lý dân cư; các tác động từ sức hấp dẫn/tiềm năng khai thác kinh tế của di sản, vấn đề an ninh quốc phòng, văn hóa xã hội, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; cơ chế phối hợp quản lý, phát huy giá trị di sản giữa các địa phương...

**Phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế**

Để lan tỏa, phát huy hơn nữa “sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam” trên trường quốc tế trong thời gian tới, các giải pháp cần được tập trung thực hiện tốt trên cơ sở bám sát các quan điểm, định hướng chỉ đạo của Bộ Chính trị tại các

Nghị quyết: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024<sup>4</sup>; Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/1/2025<sup>5</sup>; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025<sup>6</sup>; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025<sup>7</sup> với những nhiệm vụ chủ yếu sau:

*Một là*, bảo đảm tính toàn vẹn của di sản thế giới về mặt tổng thể. Tuân thủ nghiêm pháp luật Việt Nam về Di sản văn hóa, các quy định pháp luật liên quan và Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản thế giới để bảo vệ, phát huy bền vững giá trị di sản và có những ứng xử hài hòa và phù hợp với vùng đệm.

*Hai là*, xây dựng và hoàn thiện được một thể chế hoàn chỉnh về mặt pháp lý, vừa bảo đảm thông lệ quốc tế, bảo đảm quá trình hội nhập, vừa khắc phục được những mâu thuẫn, xung đột pháp lý của các luật có liên quan, lấp được các khoảng trống pháp lý hiện nay, nhất là những liên quan đến quản lý, quy hoạch vùng, kinh tế vùng của các di sản, cơ chế phối hợp vùng, liên vùng; Đồng thời cần xây dựng các cơ chế quản trị tốt nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của di sản trên địa bàn.

*Ba là*, bảo đảm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị kinh tế của di sản dưới góc độ quản trị vùng và địa phương trên cơ sở bảo đảm tính hệ thống, kết nối của hoạt động quản trị, không bị chia cắt bởi không gian, địa giới, thủ tục hành chính<sup>8</sup>.

*Bốn là*, bảo tồn thích ứng nhằm duy trì sự sống cho các khu vực di sản. Việc sử dụng di sản kết hợp chức năng mới trong không gian cũ không những bảo toàn được giá trị di sản mà còn gắn kết di sản với đời sống đương đại, góp phần để di sản thích ứng với bối cảnh mới và kích thích tăng trưởng kinh tế.

*Năm là*, tăng cường vai trò chủ thể của cộng đồng trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị, nhất là giá trị kinh tế của di sản. Việc huy động nguồn lực từ cộng đồng chính là xu hướng của tương lai trong bảo tồn di sản vì cộng đồng không chỉ bảo tồn di sản được công nhận bởi nhà nước, mà còn bảo tồn cả những di sản chưa được và không được công nhận bởi chính quyền; cộng đồng là người gắn bó, sử dụng và hưởng lợi từ di sản; mối quan hệ cộng đồng - di sản được định hình và khẳng định từ xa xưa có liên quan đến các mối quan hệ xã hội, quan hệ kinh tế, sản xuất truyền thống.

*Sáu là*, xây dựng và hoàn thiện cơ chế, mô hình hợp tác công - tư trong quản lý, bảo tồn Di sản và phát triển du lịch, đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước, doanh nghiệp và người dân địa phương. Hướng nguồn lực công đến các địa chỉ mà khu vực tư nhân không thể tham gia hoặc đồng thời góp phần hình

<sup>4</sup> Nghị quyết về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

<sup>5</sup> Nghị quyết về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW";

<sup>6</sup> Nghị quyết về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

<sup>7</sup> Nghị quyết về phát triển kinh tế tư nhân.

<sup>8</sup> Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị kinh tế của di sản: (i) là quan hệ giữa quá khứ với hiện tại, hướng tới tương lai của di sản; (ii) là quan hệ giữa tồn tại và phát triển; (iii) là quan hệ giữa văn hóa và kinh tế; (iv) là quan hệ giữa lợi ích công và lợi ích tư, giữa nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp và người dân...

thành các nền tảng thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân qua các cơ chế tạo động lực, hỗ trợ phù hợp; phân bổ theo hướng vận dụng nguyên tắc cạnh tranh, tăng cường tính tập trung, tập trung vào những lĩnh vực tạo ra các giá trị kinh tế từ di sản gắn với việc làm và nguồn thu ngân sách của tỉnh.

*Bảy là*, xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, phát huy được lợi thế của địa phương, phù hợp với các quy luật cơ bản của kinh tế thị trường; được đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ. Đồng thời, phát triển công nghiệp văn hóa gắn liền với việc quảng bá hình ảnh địa phương, góp phần bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập và hợp tác quốc tế.

*Tám là*, tăng cường năng lực quản lý và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn có tính chuyên nghiệp cao, nắm vững quy định của Luật Di sản văn hóa và văn bản quy phạm pháp luật liên quan, cũng như quy định của Công ước và Hiến chương quốc tế về Di sản thế giới; được trang bị các phương pháp khoa học về bảo tồn; có năng lực phối hợp và liên kết với các chuyên gia trong nhiều lĩnh vực, cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn để quản lý và triển khai trên thực tế các hoạt động quy hoạch, thiết kế, bảo quản, tu bổ, tôn tạo, phục hồi di sản.

*Chín là*, tăng cường vai trò xây dựng thể chế, kiến tạo, quản trị của chính quyền các cấp. Tăng cường sự vào cuộc tốt hơn và thực chất hơn của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp và cộng đồng dân cư, của người dân đối với công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới.

*Mười là*, xây dựng đô thị di sản gắn với đô thị 4.0; tạo môi trường sống lý tưởng của các nhà đầu tư từ khắp nơi trên thế giới bằng việc đưa giá trị tiếp nối của dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên và dịch vụ hệ sinh thái di sản vào phát triển đương đại thông qua mô hình giá trị di sản thế giới dành cho đô thị phát triển bền vững. Tài nguyên thiên nhiên và nhân văn sẽ là động lực của kinh tế di sản trong phát triển vùng di sản, kết nối không gian di sản và là môi trường để thử nghiệm những ý tưởng mới, sáng tạo gắn với những xu hướng mới như: công nghệ block chain, kinh tế tri thức; kinh tế số và kinh tế tuần hoàn.

*Mười một là*, chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng trong công tác quản lý, bảo vệ, mở rộng khả năng tiếp cận, lưu giữ bền vững và phát huy giá trị di sản trong kỷ nguyên công nghệ. Tăng cường ứng dụng như số hóa, quét 3D, chụp ảnh độ phân giải cao, VR, AR giúp xây dựng kho dữ liệu số, bảo vệ di sản thế giới khỏi tác động vật lý và môi trường, đồng thời mang đến trải nghiệm sống động cho công chúng, đặc biệt là giới trẻ. Công nghệ dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, giám sát, dự báo nguy cơ xuống cấp, từ đó, đề xuất giải pháp bảo tồn tối ưu. Hệ thống quản lý di sản số nâng cao hiệu quả phối hợp, lưu trữ thông tin và lan tỏa giá trị văn hóa qua các nền tảng giáo dục số, video... góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng.

*Mười hai là*, trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng, vấn đề hợp tác quốc tế trong bảo tồn và phát huy giá trị của di sản cần được chú trọng và đổi mới toàn diện trên tất cả các mặt: kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, quản trị với sự phối hợp chặt chẽ của các cấp từ trung ương, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng.

### **Thay lời kết**

Phát triển công nghiệp văn hóa không chỉ là sự khẳng định nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mà còn là bước đi quan trọng để nâng cao giá trị và sức mạnh của quốc gia trong thời đại toàn cầu hóa. Việt Nam với 9 Di sản thế giới được UNESCO ghi danh không chỉ là tài sản vô giá mà còn là nguồn lực quan trọng, đóng vai trò mũi nhọn trong phát triển công nghiệp văn hóa của đất nước, là “sức mạnh mềm” thúc đẩy nền kinh tế sáng tạo, bền vững. Trong kỷ nguyên của kinh tế tri thức và công nghệ thông tin, các di sản thế giới góp phần xây dựng và nâng cao thương hiệu văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời phát huy sức mạnh nội lực và quảng bá hình ảnh đất nước ra thế giới. Việc phát huy giá trị các di sản thế giới tại Việt Nam là chìa khóa để đất nước hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế toàn cầu, vươn lên trở thành một quốc gia có ngành công nghiệp văn hóa phát triển bền vững, một bước đi quan trọng để đẩy mạnh hội nhập quốc tế về văn hóa trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.